

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Thanh Học.
- Bà Đỗ Thị Thanh Thúy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hứa Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thiên L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 86, đường S, Khu phố X, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 86, đường S, Khu phố X, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 5 – Cục C10 Bộ Công An, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

(Chị L có mặt, anh D có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên L trình bày: Chị Nguyễn Thị Thiên L và anh Nguyễn Hữu D chung sống với nhau từ năm 2004, được UBND phường Bình San, thị xã H, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyền số I, ngày 28/7/2005. Thời gian đầu sống không hòa hợp kéo dài, bị anh D ngược đãi, chị L nhiều lần khuyên nhủ không được, anh D có nhiều hành vi bất chấp, xem thường pháp luật, bị phạt hành chính, bị xử phạt tù, làm ảnh hưởng gia đình. Hiện anh D đang chấp hành án 04 năm 03 tháng tại Trại giam Kênh 5, chị L không còn tình cảm với anh D. Nay chị L khởi kiện yêu cầu cho ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị L trình bày giữa chị và anh D chung sống với nhau có 02 đứa con chung tên Nguyễn Hữu Thiên T, sinh ngày 29/9/2005, giới tính nữ và Nguyễn Hữu Thiên L2, sinh ngày 24/3/2008, giới tính nam hiện do chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày giữa chị và anh D không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu D trình bày trong Biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2023 tại Trại giam Kênh 5 – Cục C10 Bộ Công An như sau: Anh D và chị Nguyễn Thị Thiên L là vợ chồng hợp pháp, được UBND phường B, thị xã H cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/7/2005. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, việc anh D chịu tù tội cũng vì chị L ngoại tình với nhiều người và âm mưu đẩy anh D vào con đường tù tội. Tài sản trong gia đình do một tay anh D

gây dựng nên, chị L và bên gia đình chị L không làm gì đóng góp vào phần tài sản này, anh D trộm cắp cũng vì để cho chị L trả nợ, không có vi phạm gì mà để chị L ly hôn với anh D. Anh D sẽ ly hôn với chị L sau khi anh D ra tù vì anh D đã tha thứ cho chị L rất nhiều lần, còn hiện nay thì anh D không đồng ý ly hôn. Anh D và chị L có 02 đứa con chung tên Nguyễn Hữu Thiên T, sinh ngày 29/9/2005, giới tính nữ và Nguyễn Hữu Thiên L2, sinh ngày 24/3/2008, giới tính nam. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh D đồng ý giao cả 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành, anh D không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy CCCD tên Nguyễn Thị Thiên L (phô tô chứng thực); 02 Giấy khai sinh tên Nguyễn Hữu Thiên L2 và Nguyễn Hữu Thiên T (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn giữa Nguyễn Thị Thiên L - Nguyễn Hữu D (bản chính).

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thiên L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với anh Nguyễn Hữu D; yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thiên L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu D. Giao 02 con chung giữa chị L và anh D là cháu Nguyễn Hữu Thiên T, sinh ngày 29/9/2005, giới tính nữ và Nguyễn Hữu Thiên L2, sinh ngày 24/3/2008, giới tính nam cho chị L trực tiếp nuôi và ghi nhận việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thiên L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu D và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Hữu D có nơi cư trú tại Khu phố X, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Hữu D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyền số I, ngày 28/7/2005 của Ủy ban nhân dân phường B, thị xã (nay là thành phố) H, tỉnh Kiên Giang và lời trình bày của các bên, Hội đồng xét xử xác định giữa chị Nguyễn Thị Thiên L và anh Nguyễn Hữu D có quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L với anh D, Hội đồng xét xử xét thấy chị L trình bày cuộc sống vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu

thuần là do trong quá trình chung sống bị anh D ngược đãi, chị L nhiều lần khuyên nhủ không được, anh D có nhiều hành vi bất chấp, xem thường pháp luật, bị phạt hành chính, bị xử phạt tù, làm ảnh hưởng gia đình. Hiện nay, anh D đang chấp hành án 04 năm 03 tháng tại Trại giam Kênh 5 – Bộ Công an. Theo nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H thể hiện anh D nhiều lần phạm tội, có nhiều tiền án. Bản thân anh D không biết quan tâm, chăm lo cho cuộc sống gia đình và con cái, lại trình bày đi trộm cắp để có tiền cho chị L trả nợ là không đúng đắn. Qua xác minh tại địa phương nơi anh, chị cư trú thì địa phương cho biết anh D và chị L chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhau, anh D là người có nhân thân xấu, quậy phá, không chấp hành những chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước và địa phương, phạm nhiều tội và đang chấp hành án phạt tù. Anh D khai nại chị L ngoại tình với nhiều người và âm mưu đẩy anh D vào tù nhưng không có chứng cứ chứng minh, bản thân anh D khẳng định khi ra tù sẽ ly hôn với chị L. Xét thấy giữa chị L và anh D không còn tồn tại nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn chung sống với nhau do anh D thường xuyên phạm tội và bị xử phạt tù; hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 19 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn anh D.

[5] Về con chung: Chị L và anh D đều trình bày quá trình chung sống với nhau có 02 đứa con chung tên Nguyễn Hữu Thiên T, sinh ngày 29/9/2005, giới tính nữ và Nguyễn Hữu Thiên L2, sinh ngày 24/3/2008, giới tính nam. Chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con cho đến tuổi trưởng thành và anh D cũng đồng ý giao cả 02 con cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Tòa án đã yêu cầu chị L đưa 02 cháu đến Tòa để ghi nhận nguyện vọng của các cháu khi cha mẹ ly hôn, tuy nhiên chị L cho biết các cháu không đồng ý đến và không thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với ai khi cha mẹ ly hôn, nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự việc

làm căn cứ giải quyết. Xét thấy hiện nay các cháu do mẹ là chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy theo sự thống nhất của anh D và chị L, cần tiếp tục giao cả 02 cháu cho chị L trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị L không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh D đều không yêu cầu giải quyết tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thiên L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu D.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao Nguyễn Hữu Thiên T, sinh ngày 29/9/2005, giới tính nữ và Nguyễn Hữu Thiên L2, sinh ngày 24/3/2008, giới tính nam cho mẹ các cháu là chị Nguyễn Thị Thiên L trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị L không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh D không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thiên L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001573 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang, chị L không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- UBND P. Bình San, H-KG;
- Những người TGTt,
- Lưu: HsVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Chí Dũng